

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 4 - 2026

V/v hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thê - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Công C** sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 03407200xxxx

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị H** sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 03417402xxxx

(Anh C mặt và chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Lê Công C trình bày:*

- **Về hôn nhân:** Ông và bà Phạm Thị H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã Đ) vào ngày 29/12/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng dai dẳng trầm trọng. Hai vợ chồng

không còn tôn trọng, yêu thương nhau. Mặc dù ông bà sống cùng nhà nhưng ông bà đã ăn riêng, ngủ riêng đến nay đã 7, 8 tháng. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn bà Phạm Thị H.

- **Về con chung:** Ông và bà Phạm Thị H có hai con chung là Lê Thanh N, sinh năm 1996 và Lê Thành Đ, sinh năm 2005. Hai con chung đều đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên ông không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Ông bà tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin vắng mặt, bà Phạm Thị H trình bày:*

- **Về hôn nhân:** Do ông bà là người công giáo nên trước khi kết hôn ông bà đã tìm hiểu rất kỹ, khi đã xác định kết hôn thì theo giáo lý ông bà sẽ chung sống với nhau hết đời, không được phép ly hôn. Sau đó đã tổ chức lễ cưới tại nhà thờ và đăng ký kết hôn hợp pháp của tại UBND xã T như ông C đã trình bày. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống vui vẻ, bình thường đã có 02 con chung ngoan ngoãn, nghe lời quan tâm đến bố mẹ và có 04 cháu nội. Đến khi Tòa án thông báo bà mới biết việc ông C xin ly hôn bà. Bà xét thấy trong gia đình ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, việc ông C kiên quyết xin ly hôn có thể là do ông C có quan hệ ngoài luồng dẫn đến việc suy nghĩ chưa thấu đáo. Khoảng 7, 8 tháng nay bà có nấu cơm nhưng ông C không ăn cùng bà. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để gia đình bà đoàn tụ.

- **Về con chung:** Bà và ông C có hai con chung là Lê Thanh N, sinh năm 1996 và Lê Thành Đ, sinh năm 2005. Hai con chung đều đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2026, UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Bà H và ông C có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là xã Đ) vào ngày 29/12/1995. Quá trình chung sống ông C và bà H có 02 con chung đều đã trưởng thành. Về mâu thuẫn của vợ chồng ông bà địa phương không nắm rõ.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Lê Công C ly hôn bà Phạm Thị H. Về con chung

đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Ông C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi thường trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 29/12/1995 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông C và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài. Các bên không có biện pháp tích cực nhằm khắc phục, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Thực tế cho thấy, ông C thường xuyên không vắng nhà, hai bên ít liên lạc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; đặc biệt, trong thời gian gần 01 năm nay, ông bà không còn sinh hoạt chung như vợ chồng. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân đã rạn nứt nghiêm trọng, không còn sự gắn bó về tình cảm, nghĩa vụ và trách nhiệm giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C kiên quyết xin ly hôn, thể hiện ý chí chấm dứt quan hệ hôn nhân là rõ ràng, dứt khoát. Mặc dù bà H không đồng ý ly hôn, song bà cũng không đưa ra được giải pháp cụ thể, khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không chứng minh được khả năng khôi phục đời sống chung. Việc một bên cương quyết ly hôn, bên còn lại không có biện pháp đoàn tụ hiệu quả càng cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã ở mức trầm trọng. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của ông C và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông C được ly hôn bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Ông C và bà H có hai con chung là Lê Thanh N, sinh năm 1996 và Lê Thành Đ, sinh năm 2005. Các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông C và bà H có quyền kháng cáo bản án theo

quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho ông Lê Công C ly hôn bà Phạm Thị H.

2. *Về con chung*: Không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Lê Công C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002766 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, ông C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Ông C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bà H vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

